CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phú Tài

Ngày 30/06/2025	54,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.1%	**-1.3%**	**-**

DT thuần
Q2/25
1,905
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 285| 17.6%
YoY: ▲ 297| 18.4%

LN thuần
Q2/25
164
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 10.3%
YoY: ▲ 20.0| 14.1%

LN sau thuế
Q2/25
129
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 10.5%
YoY: ▲ 15.0| 13.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q2/25
13.6%
YoY: +/-▲ 0.0%

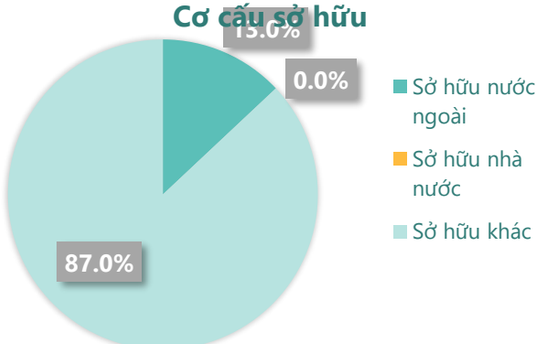
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	46,672 - 69,638
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,675
Số lượng CPLH (CP)	66,938,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	114,570
Sở hữu nước ngoài	13.0%
Beta	0.44
EPS	6,108
P/E	9.0

DT thuần
6T 2025
3,525
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 480| 15.8%

LN thuần
6T 2025
314
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0| 22.5%

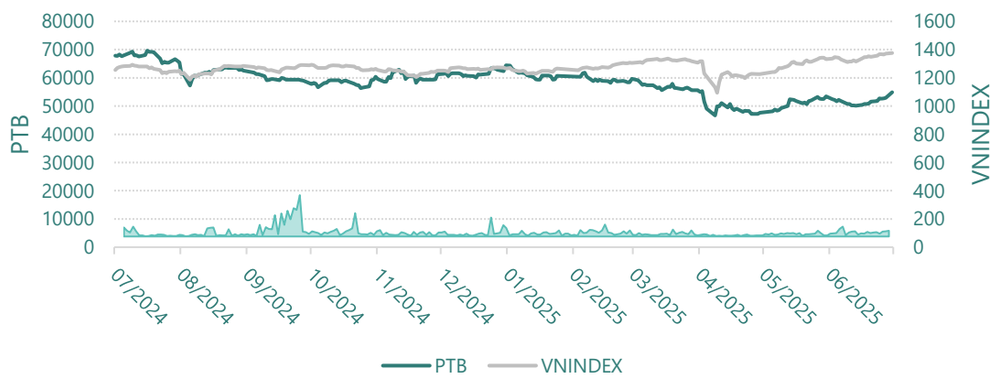
LN sau thuế
6T 2025
246
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.0| 21.0%

Cơ cấu sở hữu

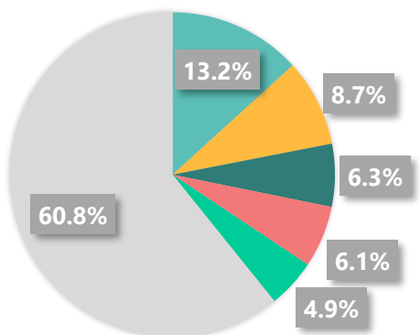


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

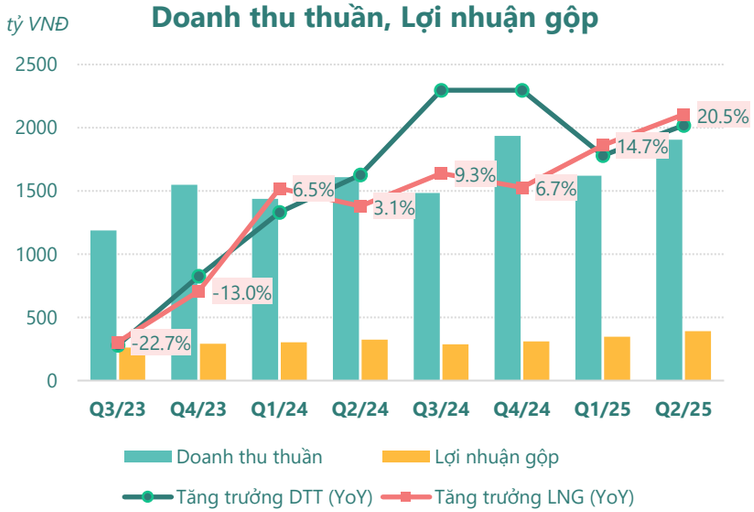


- Lê Vỹ
- Lê Văn Thảo (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Sỹ Hoè (Tổng giám đốc)
- Lê Văn Lộc (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Hữu Tâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

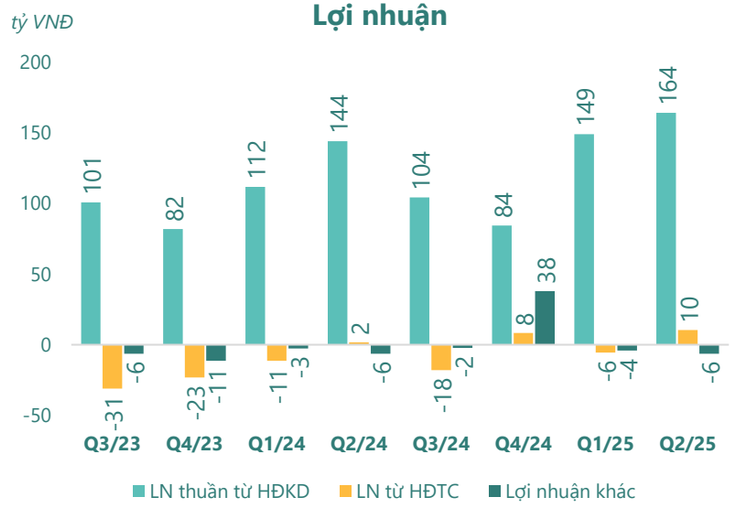
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



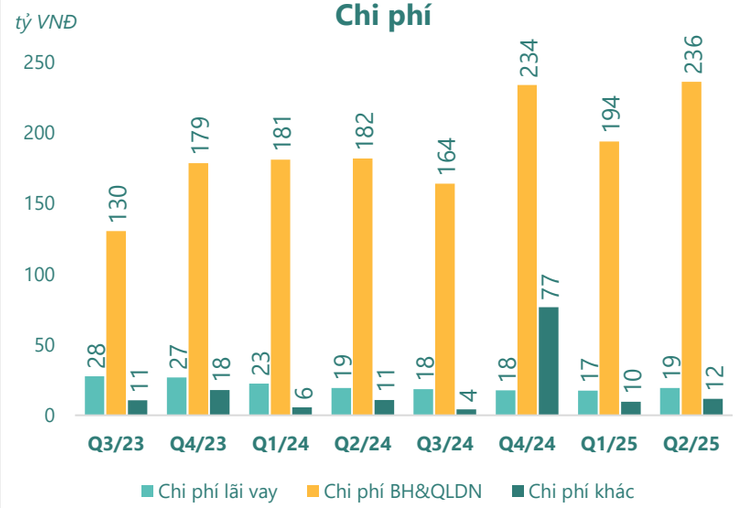
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



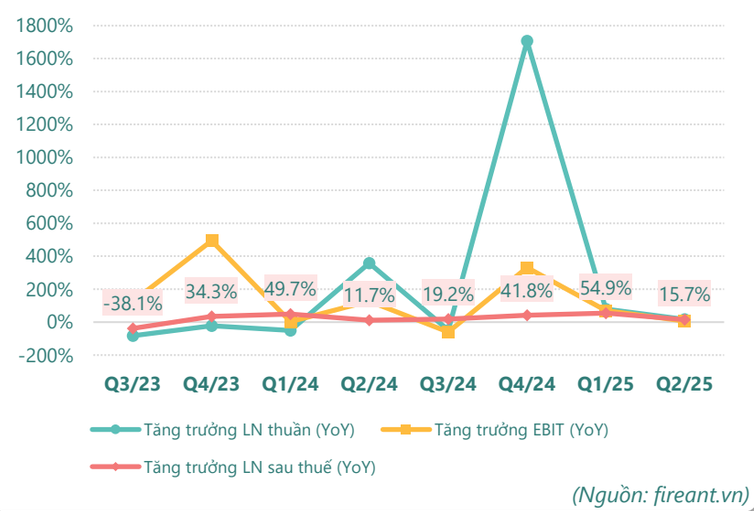
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



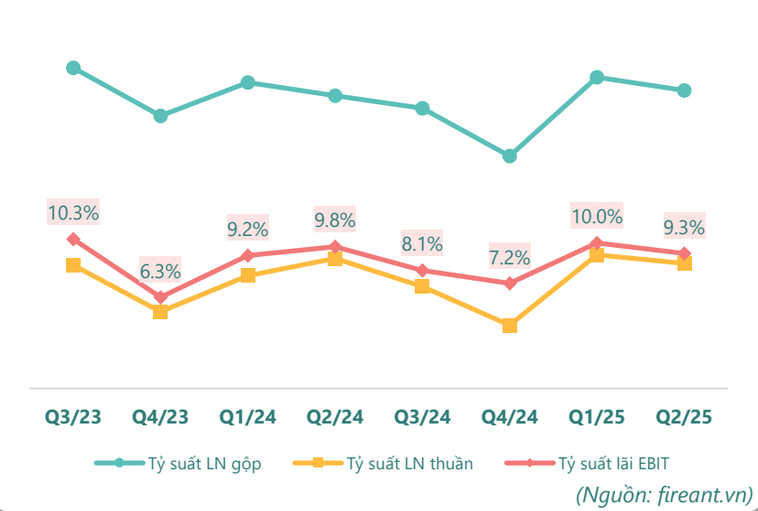
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



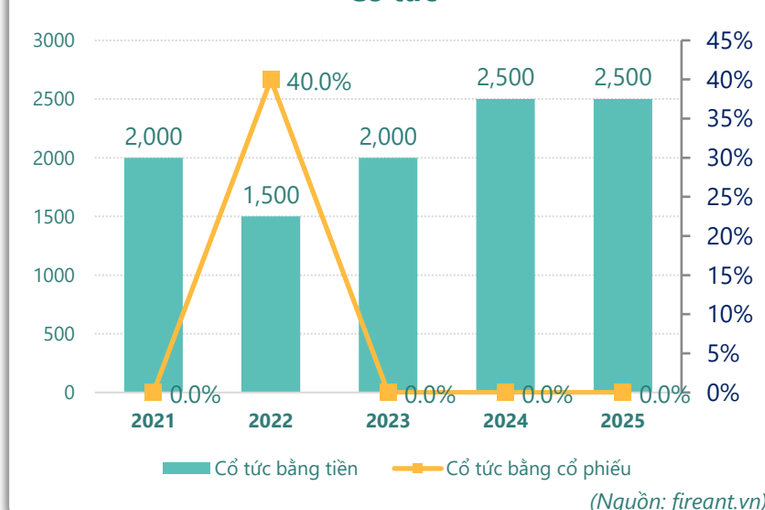
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

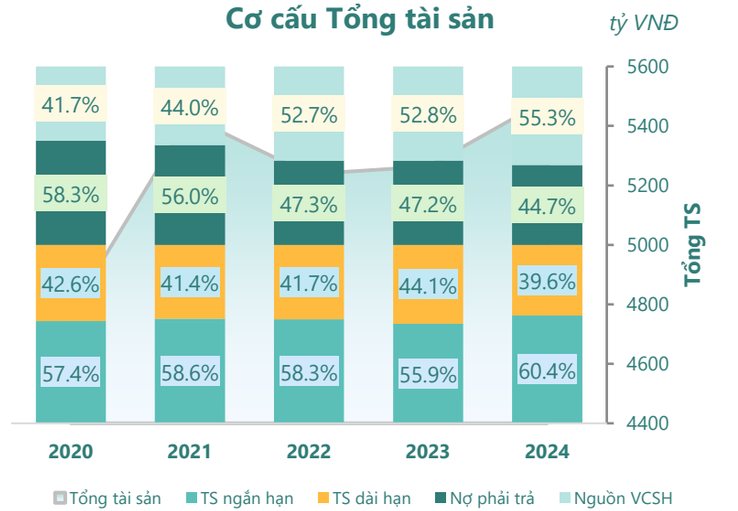
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

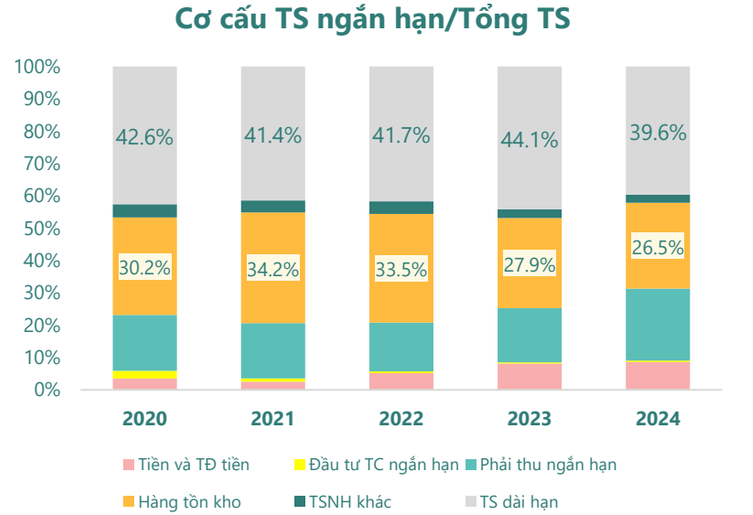
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



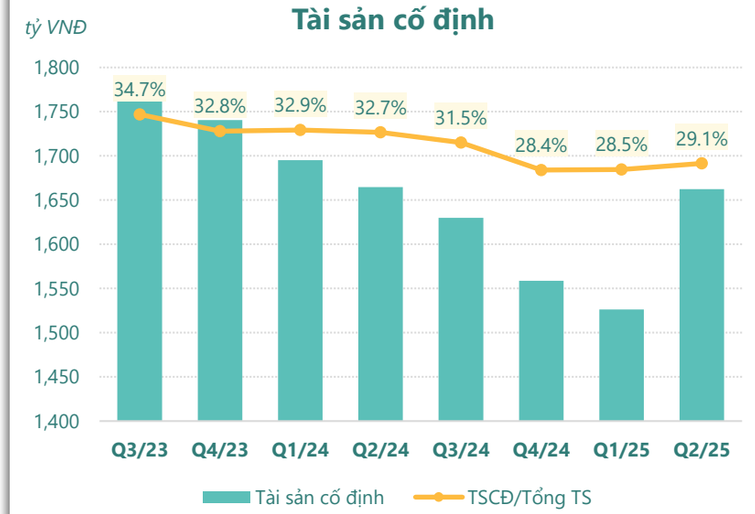
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



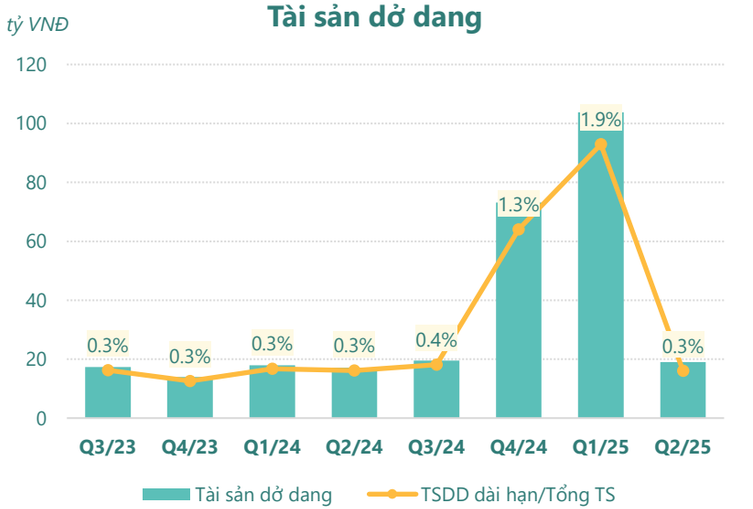
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



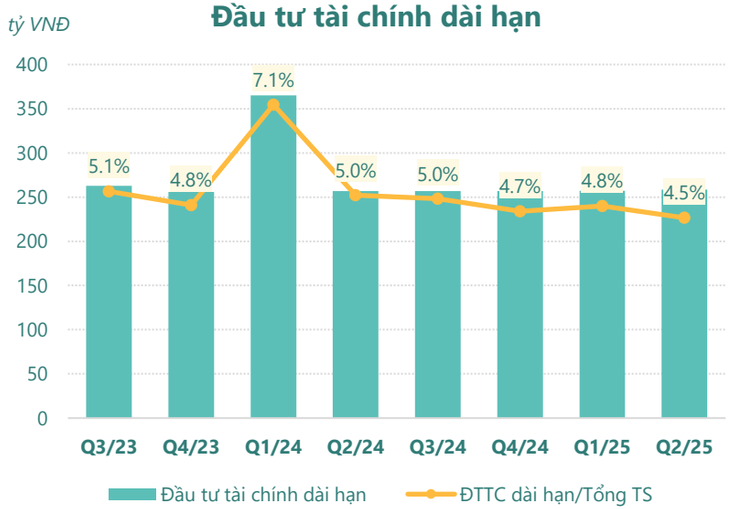
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



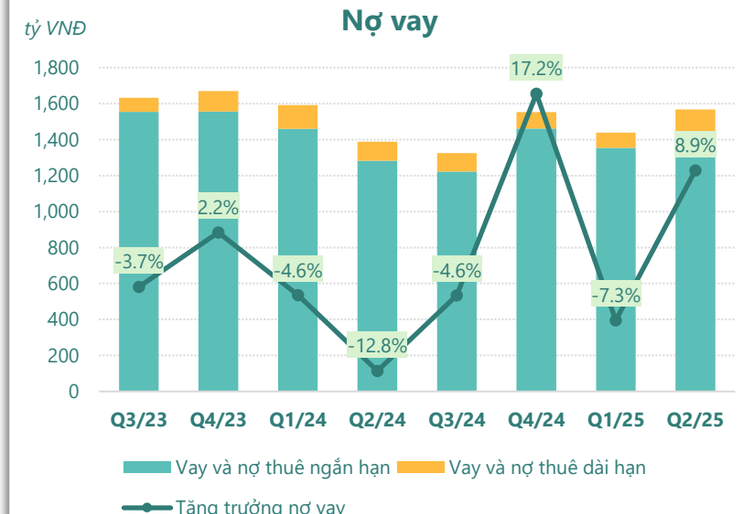
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

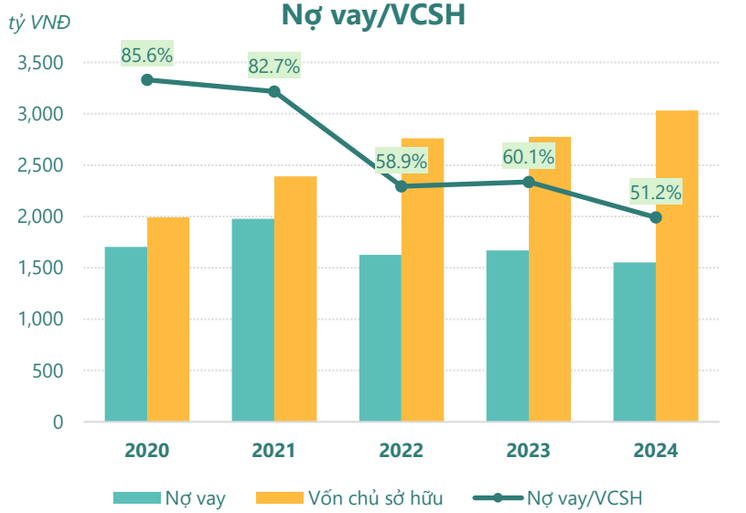
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



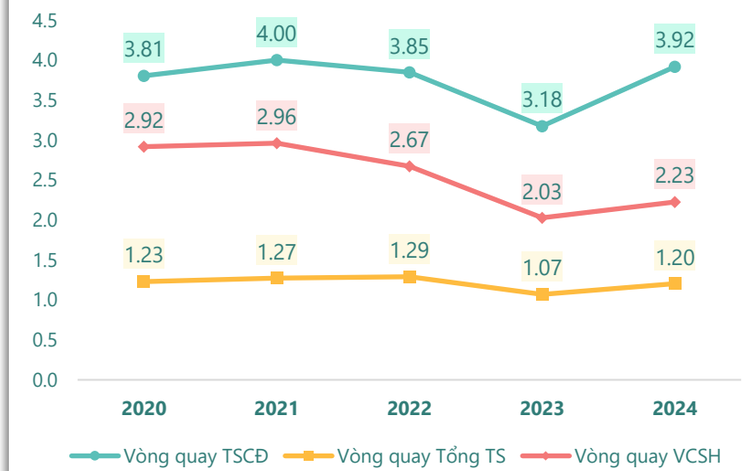
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



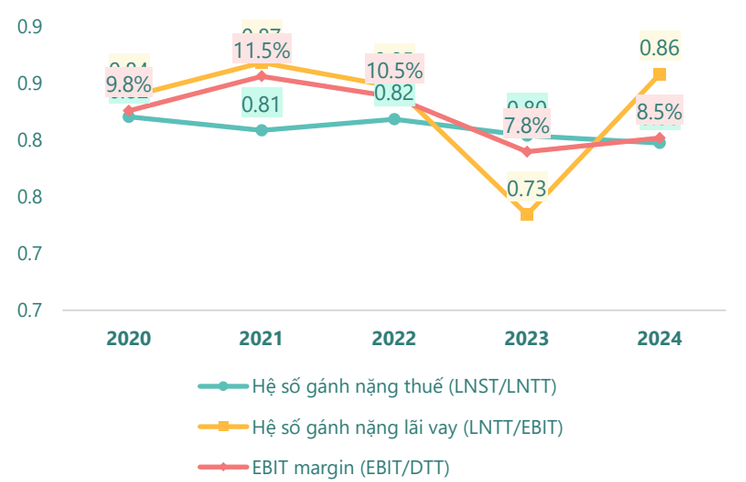
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



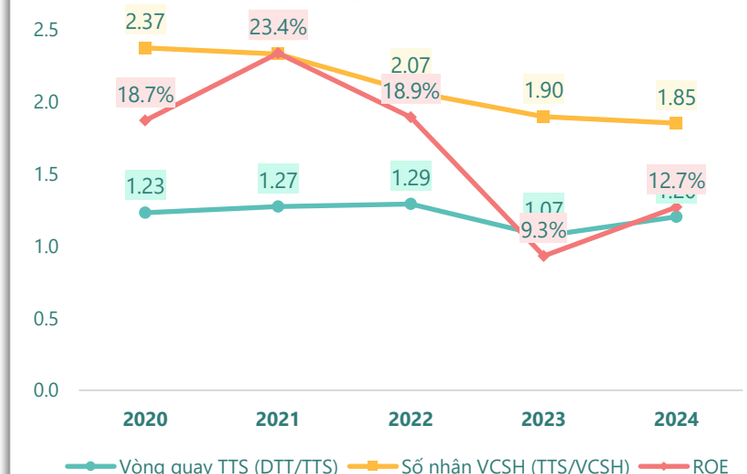
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



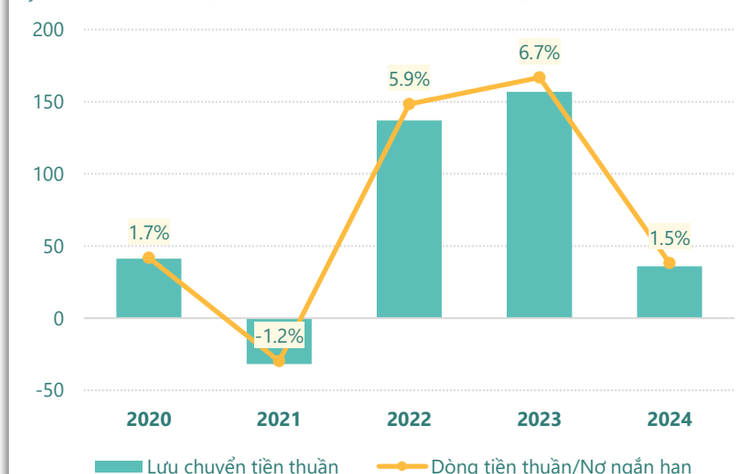
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,905**	**1,608**	**18.4%**	**3,525**	**3,045**	**15.8%**
Giá vốn hàng bán	1,514	1,284	17.9%	2,786	2,418	15.3%
Lợi nhuận gộp	391	324	20.7%	739	627	17.7%
Doanh thu HĐTC	31.8	24.5	29.6%	45.8	37.7	21.6%
Chi phí TC	21.4	22.7	-5.7%	41.0	47.3	-13.3%
Chi phí lãi vay	19.3	19.4	-0.7%	36.7	41.9	-12.4%
LN trong công ty LKLD	**-0.59**	**-0.06**	**-889%**	**0.65**	**1.17**	**-44.7%**
Chi phí bán hàng	150	122	22.9%	281	243	15.7%
Chi phí QLDN	**86.6**	**59.9**	**44.5%**	**150**	**121**	**24.3%**
LN thuần từ HĐKD	164	144	14.1%	314	256	22.5%
Lợi nhuận khác	**-6.31**	**-6.32**	**0.1%**	**-10.4**	**-8.89**	**-17.1%**
LN trước thuế	158	138	14.5%	303	247	22.7%
Lợi nhuận sau thuế	**129**	**114**	**13.4%**	**246**	**203**	**21.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**125**	**110**	**13.2%**	**238**	**200**	**19.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	172	176	16.3	93.4	177	405
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-125	-4.93	6.82	-64.1	-80.5	-90.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-177	-132	-131	219	-180	128
Tiền đầu kỳ	428	299	342	229	471	389
Lưu chuyển tiền thuần	**-130**	**39.3**	**-108**	**248**	**-83.3**	**442**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.99	3.05	-5.18	-5.98	1.74	5.75
Tiền cuối kỳ	299	342	229	471	389	837

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,704**	**5,489**	**3.9%**
Tài sản ngắn hạn	3,480	3,314	5.0%
Tiền và tương đương tiền	837	471	77.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.9	26.1	30.0%
Phải thu ngắn hạn	1,003	1,221	-17.9%
Hàng tồn kho	1,446	1,455	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	160	140	14.0%
Tài sản dài hạn	**2,224**	**2,175**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	30.0	28.9	3.7%
Tài sản cố định	1,662	1,559	6.7%
Bất động sản đầu tư	5.04	5.15	-2.2%
Tài sản dở dang	19.1	73.2	-73.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	258	257	0.6%
Tài sản dài hạn khác	**242**	**244**	**-1.0%**
Lợi thế thương mại	7.28	8.84	-17.7%
Nợ phải trả	2,612	2,456	6.3%
Nợ ngắn hạn	**2,456**	**2,352**	**4.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,436	1,471	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	465	516	-10.0%
Nợ dài hạn	156	105	48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	131	81.5	60.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,092**	**3,033**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,092**	**3,033**	**1.9%**
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)